

Thị trường bảo hiểm Việt Nam sau gần 30 năm đổi mới và tính cần thiết áp dụng chuẩn mực quốc tế

Sau gần 30 năm đổi mới, thị trường bảo hiểm Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu, đồng thời cũng còn những vấn đề cần tiếp tục hoàn thiện nhằm đáp ứng các yêu cầu mới trong bối cảnh hội nhập. Bài viết khái quát thực trạng và các vấn đề đặt ra đối với thị trường bảo hiểm Việt Nam, đưa ra các chuẩn mực quốc tế về bảo hiểm được các nước trên thế giới áp dụng và Việt Nam cần hướng tới.

1. Thực trạng thị trường bảo hiểm Việt Nam sau gần 30 năm đổi mới

Sự phát triển đổi mới của thị trường bảo hiểm Việt Nam được đánh dấu bằng Nghị định số 100/NĐ-CP ngày 18/12/1993 của Thủ tướng Chính phủ về kinh doanh bảo hiểm. Nghị định đã tạo khung khổ pháp lý đầu tiên cho việc hình thành thị trường bảo hiểm đa dạng với các chủ đầu tư tham gia thị trường thuộc mọi thành phần kinh tế, mở rộng nội dung, phạm vi hoạt động kinh doanh bảo hiểm, xác định vị trí và vai trò của cơ quan quản lý nhà nước về bảo hiểm.

Sau với thời kỳ trước đổi mới, thị trường bảo hiểm Việt Nam đã có nhiều thay đổi, từng bước thể hiện được vai trò là “tám lá

chấn” trước các rủi ro tài chính, giúp các tổ chức, cá nhân tham gia bảo hiểm ổn định sản xuất - kinh doanh và cuộc sống, là kênh huy động vốn dài hạn, hữu hiệu của nền kinh tế, góp phần thực hiện đường lối phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Cơ cấu thị trường

Trước năm 1993, thị trường bảo hiểm Việt Nam chỉ có duy nhất một doanh nghiệp bảo hiểm thuộc sở hữu của Nhà nước là Bảo Việt. Sau gần 30 năm, tổng số doanh nghiệp hoạt động trên thị trường bảo hiểm đã được nâng lên 64 doanh nghiệp trong năm 2019, thuộc đầy đủ các thành phần kinh tế. Doanh nghiệp nhà nước từng bước được cơ cấu lại, cổ phần hóa theo Luật Doanh nghiệp; cơ cấu thành phần kinh tế tham gia hoạt động kinh doanh bảo hiểm chuyển dịch đổi mới, các hình thức hợp tác được hình thành phù hợp với cơ chế thị trường.

Sản phẩm bảo hiểm được phát triển theo hướng ngày càng đa dạng và linh hoạt, thực hiện cho tất cả 7 nghiệp vụ bảo hiểm nhân thọ, 11 nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ và nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe, đáp ứng nhu cầu bảo hiểm đa dạng của các tổ chức, cá nhân, góp phần cho chính sách an sinh xã hội. Đến nay, tổng số sản phẩm bảo hiểm trên thị trường lên tới gần 1.300 sản phẩm; trong đó có trên 850 sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ, 450 sản phẩm bảo hiểm nhân thọ.

Quy mô thị trường

Trong gần 30 năm qua, thị trường bảo hiểm đã đạt tốc độ tăng trưởng ấn tượng so với thời kỳ trước đổi mới, đóng góp ngày càng lớn vào GDP. Chỉ sau 3 năm thực hiện đổi mới (năm 1996) quy mô thị trường bảo hiểm đã tăng gấp 2 lần, đóng góp vào GDP 0,49%. Giai đoạn 1996 - 2005, mặc dù cùng chịu tác động của khủng hoảng tài chính khu vực (1997 - 1999), thị trường bảo hiểm vẫn duy trì tốc độ tăng trưởng khả quan, quy mô thị trường tăng

gấp 10,5 lần so với 10 năm trước đó (đóng góp 1,85% vào GDP). Trong giai đoạn 2005 - 2015, thị trường bảo hiểm từng bước chuyển đổi tăng trưởng từ chiều rộng sang chiều sâu, tốc độ tăng trưởng chậm lại nhưng vẫn đạt tăng bình quân 18,6% (đóng góp vào GDP 2,02%). Những năm 2016 - 2018, tốc độ tăng trưởng bình quân tăng 23,9%/năm (đóng góp 2,9% vào GDP). Năm 2019, tổng doanh thu phí bảo hiểm toàn thị trường 8 tháng đầu năm đạt khoảng 100 nghìn tỷ đồng, tăng 23,6% so với cùng kỳ năm 2018. Tính riêng lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ, 9 tháng năm 2019, tổng doanh thu phí của các doanh nghiệp bảo hiểm ước tăng 24,5% so với cùng kỳ năm 2018.

Ổn định kinh tế - xã hội

Trước năm 1993, số tiền thị trường bảo hiểm đầu tư trở lại nền kinh tế là con số 0, thì chỉ sau 6 năm, con số này đã tăng lên hơn 2,6 nghìn tỷ đồng. Đặc biệt, trong giai đoạn 2000 - 2007, thị trường bảo hiểm Việt Nam tăng trưởng mạnh, số tiền ngành bảo hiểm đã huy động để đầu tư trở lại nền kinh tế tăng mạnh. Năm 2007, số tiền đầu tư trở lại nền kinh tế của thị trường bảo hiểm đạt hơn 46,5 nghìn tỷ đồng, ước tăng 52% so với năm trước. Thị trường bảo hiểm đã trở thành kênh huy động vốn dài hạn hữu hiệu của nền kinh tế, với tổng số tiền đầu tư trở lại nền kinh tế năm 2018 đạt gần 321,2 nghìn tỷ đồng (tương đương 5,8% GDP), chủ yếu được đầu tư vào các chương trình, dự án lớn của Nhà nước. Năm 2019, trong 8 tháng đầu năm các doanh nghiệp bảo hiểm đã đầu tư trở lại nền kinh tế ước đạt 366,9 nghìn tỷ đồng, tăng 26,5% so với cùng kỳ năm 2018. Tính riêng lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ, 9 tháng năm 2019 tổng số tiền các doanh nghiệp bảo hiểm đầu tư trở lại nền kinh tế là 327,9 nghìn tỷ đồng, tăng 24% so với cùng kỳ năm trước, chiếm 88,6% tổng nguồn vốn đầu tư trở lại nền kinh tế của thị trường bảo hiểm.

Đặc biệt, tổng số tiền mà các doanh nghiệp bảo hiểm đã bồi thường và chi trả tăng nhanh, từ 120 tỷ đồng vào năm 1993 lên

hơn 38,5 nghìn tỷ đồng vào năm 2018 (tăng hơn 321 lần). Trong 8 tháng đầu năm 2019, các doanh nghiệp bảo hiểm đã chi trả quyền lợi bảo hiểm ước đạt 25,3 nghìn tỷ đồng, tăng 8,6% so với cùng kỳ năm 2018. Tính riêng lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ, 9 tháng năm 2019 các doanh nghiệp bảo hiểm đã chi trả tiền bồi thường và bảo hiểm hơn 14,4 nghìn tỷ đồng.

Thể chế, chính sách

Qua gần 30 năm thực hiện đổi mới, thể chế, chính sách phát triển thị trường bảo hiểm đã đạt được những thành tựu quan trọng. Đến nay, hành lang pháp lý cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm đã được xây dựng khá hoàn chỉnh, với Luật Kinh doanh bảo hiểm (ban hành năm 2000), Luật sửa đổi, bổ sung Luật Kinh doanh bảo hiểm (ban hành năm 2010) và hệ thống các văn bản hướng dẫn thi hành Luật. Sau khi sửa đổi bổ sung Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2010, hàng loạt văn bản quy phạm pháp luật và hướng dẫn đã được ban hành nhằm tạo môi trường, nền tảng pháp lý thuận lợi cho sự phát triển của thị trường. Trong giai đoạn 2011 - 2017, đã có 37 văn bản quy phạm pháp luật gồm 7 nghị định, 4 quyết định của Thủ tướng Chính phủ, 26 thông tư của Bộ Tài chính đã được rà soát, sửa đổi, bổ sung và ban hành mới. Từ đầu năm 2018 đến tháng 3/2019, Bộ Tài chính đã trình Chính phủ 5 nghị định và 1 quyết định; đồng thời ban hành 2 thông tư. Các quy định pháp luật về bảo hiểm đã dần xóa bỏ rào cản và phân biệt đối xử đối với các doanh nghiệp bảo hiểm có vốn đầu tư nước ngoài, tạo sự bình đẳng cho các doanh nghiệp bảo hiểm thuộc mọi thành phần kinh tế tham gia hoạt động trên thị trường, tiến gần đến các thông lệ của quốc tế, đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế hội nhập ngày càng sâu rộng với thế giới.

Bên cạnh đó, các hoạt động hợp tác quốc tế về bảo hiểm cũng được mở rộng. Cơ quan quản lý bảo hiểm Việt Nam (Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm, Bộ Tài chính) đã trở thành thành viên của

Hiệp hội quốc tế Các nhà quản lý bảo hiểm (IAIS) và Diễn đàn Các nhà quản lý bảo hiểm ASEAN (AIRM); trao đổi kinh nghiệm và tăng cường hợp tác, sự trợ giúp kỹ thuật của các tổ chức quốc tế như Ngân hàng Thế giới (WB), Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB), Tổ chức Hợp tác kinh tế Thụỵ Sĩ (SECO)...

2. Những vấn đề đặt ra đối với thị trường bảo hiểm Việt Nam

Qua gần 30 năm đổi mới, đến nay thị trường bảo hiểm vẫn còn một số vấn đề tồn tại cần tiếp tục chuyển đổi, hoàn thiện nhằm đáp ứng các yêu cầu đổi mới của thị trường trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng và sự phát triển đa dạng, phức tạp của các sản phẩm bảo hiểm.

Quy mô thị trường còn nhỏ so với nhiều nước trên thế giới và chưa tương xứng với tiềm năng

Hiện nay, quy mô doanh thu phí bảo hiểm tính trên GDP của thị trường bảo hiểm Việt Nam khoảng 2,9%, còn khoảng cách so với mục tiêu tổng doanh thu ngành bảo hiểm đến năm 2020 đạt 3 - 4% GDP đã được Chính phủ đề ra tại Chiến lược Tài chính đến năm 2020. So với một số quốc gia trong khu vực và trên thế giới thì quy mô thị trường bảo hiểm của Việt Nam vẫn còn khá khiêm tốn, thấp hơn so với mức trung bình của khối ASEAN (3,55%), châu Á (5,37%) và thế giới (6,3%) trong năm 2017.

Bên cạnh đó, do quy mô thị trường chưa lớn trong khi số lượng doanh nghiệp bảo hiểm, số lượng chi nhánh, công ty thành viên liên tục gia tăng đã dẫn đến tình trạng cạnh tranh thiếu lành mạnh (như hạ giá phí, mở rộng điều khoản điều kiện bảo hiểm, hạ mức khấu trừ, tăng hoa hồng và hỗ trợ đại lý, tăng chi phí tiếp khách giao dịch để lôi kéo khách hàng, dịch vụ bảo hiểm...), có thể làm tăng nguy cơ rủi ro đối với thị trường bảo hiểm nói riêng và thị trường tài chính nói chung nếu thiếu các công cụ quản lý và giám sát hiệu quả.

Hệ thống pháp luật về kinh doanh bảo hiểm tuy đã tương đối đầy đủ, nhưng vẫn cần tiếp tục hoàn thiện

Các văn bản pháp lý hiện nay được xây dựng trên cơ sở của Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2000. Tuy nhiên, thời gian qua thị trường bảo hiểm nói riêng và thị trường tài chính nói chung đã có nhiều thay đổi, một số quy định của Luật Kinh doanh bảo hiểm đã không còn phù hợp. Trong quá trình thị trường bảo hiểm vận hành đã phát sinh một số vấn đề mới chưa được Luật Kinh doanh bảo hiểm bao quát hết nhu cầu của thực tế như quy định về hoa hồng bảo hiểm, dịch vụ bảo trợ bảo hiểm, quản trị doanh nghiệp.... Bên cạnh đó, một số quy định về kinh doanh bảo hiểm chưa có sự đồng bộ của hệ thống pháp luật liên quan, có ảnh hưởng tới hoạt động của doanh nghiệp bảo hiểm.

Phân khúc khai thác bảo hiểm chưa đồng đều

Các doanh nghiệp bảo hiểm đã chủ động hơn trong việc đa dạng hóa danh mục sản phẩm bảo hiểm, tuy nhiên phân khúc khai thác bảo hiểm còn chưa đồng đều, các doanh nghiệp bảo hiểm chủ yếu tập trung khai thác tại các thành phố lớn và các đối tượng có thu nhập cao. Các sản phẩm bảo hiểm dành cho người thu nhập thấp, hoặc khu vực nông thôn, chưa được các doanh nghiệp bảo hiểm chú trọng phát triển, bởi những sản phẩm này thường chịu tỷ lệ rủi ro cao.

Cơ chế quản lý và giám sát chưa theo kịp và đáp ứng được điều kiện phát triển và xu hướng của thị trường bảo hiểm

Hiện nay, cơ quan giám sát Việt Nam đang nghiêng về phương pháp giám sát tuân thủ. Phương pháp này được đánh giá là chưa coi trọng thỏa đáng công tác giám sát trên cơ sở rủi ro và dự báo, cảnh báo sớm.

Năng lực quản trị, điều hành của các doanh nghiệp bảo hiểm, nhất là các doanh nghiệp bảo hiểm trong nước còn yếu

Một số doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ vẫn đang áp dụng mô hình quản lý phi tập trung, phân cấp, hệ thống công nghệ

thông tin chưa được đầu tư đúng mức, dẫn đến những rủi ro tiềm ẩn trong quá trình hoạt động... Trong bối cảnh Việt Nam ngày càng mở cửa hội nhập, thị trường bảo hiểm có nhiều cơ hội để phát triển, tuy nhiên, các doanh nghiệp bảo hiểm trong nước cũng sẽ gặp nhiều thách thức, khó khăn, đặc biệt là phải đối mặt với sức ép cạnh tranh giữa các doanh nghiệp bảo hiểm trong nước với các tổ chức bảo hiểm ở nước ngoài vốn có nhiều kinh nghiệm và ưu thế vượt trội.

3. Chuẩn mực quốc tế cho bảo hiểm

Hiện nay không chỉ các quốc gia có thị trường bảo hiểm phát triển mạnh, lâu đời mà các quốc gia khu vực châu Á, Đông Nam Á (như Nhật Bản, Trung Quốc, Singapore, Thái Lan...) trong quá trình đánh giá, giám sát doanh nghiệp bảo hiểm dựa vào các nguyên tắc chung về giám sát bảo hiểm do IAIS ban hành, thường xuyên tham chiếu đến tiêu chuẩn vốn bảo hiểm toàn cầu dựa trên rủi ro (ICS) và tiêu chuẩn Solvency II để xây dựng tiêu chí của quốc gia mình. Ngoài ra, để tăng tính minh bạch, hiệu quả so sánh trong việc đánh giá doanh nghiệp bảo hiểm, phần lớn các quốc gia đã sử dụng chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS).

Tiêu chuẩn vốn bảo hiểm toàn cầu dựa trên rủi ro (ICS)

Hoạt động giám sát bảo hiểm dựa vào các nguyên tắc chung về giám sát bảo hiểm được quy định cụ thể trong “các nguyên tắc lõi trong giám sát bảo hiểm” (ICP), do IAIS ban hành. Các nguyên tắc này xây dựng một khung khổ pháp lý cho hoạt động giám sát, xác định chủ thể được giám sát và cung cấp một khuôn khổ chung để IAIS xây dựng các chuẩn mực quốc tế. Tháng 10/2011, IAIS đã thông qua 26 ICP sửa đổi, với kỳ vọng xây dựng hệ thống giám sát bảo hiểm mới, cung cấp một khuôn khổ được chấp nhận trên toàn cầu đối với quy định giám sát của ngành bảo hiểm, áp dụng cho giám sát bảo hiểm trong tất cả các khu vực pháp lý, được Ngân hàng Thế giới và Quỹ Tiền tệ Quốc tế sử dụng trong Chương trình đánh giá ngành tài chính (FSAP).

Ngoài ra, IAIS đang xây dựng khung chung cho việc giám sát các tập đoàn bảo hiểm quốc tế (ComFrame). ComFrame có mục tiêu thiết lập một khuôn khổ toàn diện cho các cơ quan giám sát để giải quyết các hoạt động toàn tập đoàn và rủi ro của các tập đoàn bảo hiểm hoạt động quốc tế (IAIG) và cũng đặt nền tảng cho sự hợp tác và phối hợp giám sát tốt hơn. Theo kế hoạch, ComFrame bao gồm cả phiên bản ICS 2.0 được hoàn thiện, thông qua vào cuối năm 2019 và sẵn sàng triển khai bởi các thành viên IAIS trong năm 2020.

Tiêu chuẩn vốn Solvency II

Solvency II là một hướng dẫn chung về mô hình quản lý, giám sát doanh nghiệp bảo hiểm do Nghị viện châu Âu (EP) ban hành năm 2009, được triển khai tại tất cả quốc gia thành viên từ ngày 01/1/2016, đối với tất cả các doanh nghiệp bảo hiểm và tái bảo hiểm. Đến nay, các quốc gia ngoài châu Âu (như Hoa Kỳ, Bermuda), các quốc gia khu vực châu Á Thái Bình Dương, châu Á đã có động thái điều chỉnh những quy định giám sát bảo hiểm theo tiêu chuẩn của Solvency II.

Solvency II đưa ra các yêu cầu thận trọng phù hợp với từng rủi ro cụ thể; thúc đẩy tính minh bạch, so sánh, đánh giá và khả năng cạnh tranh trong lĩnh vực bảo hiểm. Khung đánh giá Solvency II bao gồm 3 thành phần trụ cột đại diện cho 3 lĩnh vực giám sát khác nhau: (i) Các yêu cầu về định lượng (yêu cầu vốn); (ii) Hoạt động giám sát và quản trị rủi ro nội bộ (định tính); (iii) Báo cáo và công bố. Những yêu cầu trong 3 thành phần này đều tạo sự linh hoạt và phù hợp nhằm thúc đẩy mạnh mẽ văn hóa quản trị rủi ro nội bộ, giúp các nhà quản lý phản ứng linh hoạt để thay đổi các tình huống. Giống như quy tắc Basel dành cho ngân hàng, Solvency II tiếp cận vấn đề từ góc độ rủi ro tiềm tàng, tức là doanh nghiệp càng nhiều rủi ro thì càng phải cẩn trọng áp dụng biện pháp phòng ngừa.

Chuẩn mực báo cáo kế toán quốc tế (IFRS)

Từ năm 2005, nhiều nước trên thế giới đã sử dụng IFRS do Ủy ban Chuẩn mực kế toán quốc tế ban hành. Đến nay IFRS đã trở thành ngôn ngữ kế toán chung phổ biến nhất trên toàn cầu. Kết quả thống kê của IFRS.org tính đến tháng 4/2018, có 144 quốc gia và vùng lãnh thổ (87%) trong 166 quốc gia và vùng lãnh thổ được khảo sát đã bắt buộc sử dụng chuẩn mực IFRS. Phần lớn trong nhóm 22 quốc gia và vùng lãnh thổ còn lại đã cho phép hoặc đang trong lộ trình triển khai áp dụng IFRS. Có 7 quốc gia, trong đó có Việt Nam, đang sử dụng chuẩn mực kế toán riêng. Theo tài liệu của Ủy ban Chuẩn mực kế toán quốc tế (IASB), đến nay đã có 131/143 quốc gia và vùng lãnh thổ (chiếm tỷ lệ 93% các nước được IASB khảo sát) cho phép áp dụng IFRS dưới các hình thức khác nhau. Trong đó, có 119/143 (83,2%) quốc gia và vùng lãnh thổ đã yêu cầu bắt buộc sử dụng các chuẩn mực của IFRS đối với tất cả, hoặc hầu hết các đơn vị có lợi ích công chúng trong nước. Việt Nam là một trong số ít quốc gia chưa áp dụng IFRS cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Trong điều kiện nền kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập quốc tế thì việc sử dụng ngôn ngữ kế toán toàn cầu IFRS là điều rất quan trọng và cần thiết. IFRS 17 là một chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế toàn diện trong việc xây dựng khuôn khổ kế toán thống nhất cho tất cả các loại hợp đồng bảo hiểm; đưa ra 3 mô hình đánh giá là mô hình chung, mô hình phân bổ phí bảo hiểm và mô hình phí dao động... giúp cung cấp các thông tin minh bạch hơn về tình hình tài chính, cũng như các rủi ro của doanh nghiệp bảo hiểm. IFRS 17 bắt đầu được áp dụng từ ngày 01/01/2022.

Đinh Ngọc Linh



Tài liệu tham khảo

1. Công thông tin điện tử Bộ Tài chính (09/2019), *Xu hướng áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.*
2. Việt Dũng (9/2019), *8 tháng đầu năm 2019, bảo hiểm đầu tư trở lại nền kinh tế gần 367 nghìn tỷ đồng.* Tạp chí Tài chính.
3. Niên giám Thị trường bảo hiểm Việt Nam các năm 1994 - 2018
4. Kỳ yếu Diễn đàn tài chính Việt Nam 2018 “Tái cấu trúc nền tài chính quốc gia hướng đến phát triển nhanh, toàn diện và bền vững” tổ chức tại Hà Nội, 9/2018.
5. NAIC (25/9/2019), *International Association of Insurance Supervisors.*
6. IAIS (9/2019), *Insurance Capital Standard.*
7. IAS Plus (9/2019), *International Financial Reporting Standards.*